

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày: 14-09-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Thị Hồng

Các Hội Thẩm Nhân Dân: ông Bùi Văn Ôn; ông Bùi Văn Tấn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Bùi Văn Hường- Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ltham gia phiên toà: ông Nguyễn Công Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 14/09/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 08 năm 2020 đối với bị cáo Quách Văn T, sinh ngày 04/04/1990 tại: xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị N; vợ con chưa có; tiền án: Không, tiền sự: có 02 tiền sự:

- Ngày 18/03/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện L áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Ngày 02/06/2014 chấp hành xong;

- Ngày 16/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 23/05/2019 chấp hành xong.

Bị bắt tạm giữ ngày 18/06/2020 theo Quyết định tạm giữ số 79 ngày 18/06/2020 của Công an thành phố Hòa Bình. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Hòa Bình theo Lệnh tạm giam số 74 ngày 26/06/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hòa Bình. Có mặt.

- Bị hại: Quách Thanh V, sinh năm 1961. Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Quách Văn N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

+ Bùi Thị K, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

+ Bùi Văn P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: xóm Âm, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

+ Quách Thị Ngọc A, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy nên bị cáo Quách Văn T có ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 giờ ngày 29/4/2020, bị cáo đi bộ từ nhà ở của mình đến nhà anh Quách Văn N và chị Bùi Thị K ở cùng xóm để trộm cắp tài sản. Do anh N và chị K đi làm ăn xa nên có nhờ ông Quách Thanh V (là bố đẻ anh N) ở cùng xóm trông coi nhà và quản lý tài sản. Đến nhà anh N, T dùng 01 (một) thanh củi cạy phá chốt và đột nhập vào trong nhà anh N bằng cách trèo qua ô thoáng. Tại phòng khách của gia đình anh N, T phát hiện có 01 (một) chiếc tivi nhãn hiệu SONY, màu đen, kích thước 32 inch và 01 (một) chiếc điều khiển của tivi nên đã lấy tivi và điều khiển mang ra ngoài sân nhà anh N. Sau đó, T đi bộ về nhà lấy 01 (một) chiếc xe mô tô màu đen không rõ biển kiểm soát thuộc quyền sở hữu của mình và điều khiển xe quay lại nhà anh N để chở chiếc tivi cùng điều khiển tivi mà T vừa lấy được mang bán cho anh Bùi Văn P. Tại nhà anh P, T nói với anh P là tivi của gia đình mình không dùng nữa nên bán. Do anh P nói phải có cả bộ dây nguồn của tivi thì anh mới mua nên T tiếp tục quay lại nhà anh N và vào phòng khách lấy 01 (một) bộ dây nguồn của chiếc tivi trên và đem tới nhà anh P. T bán cho anh P tất cả tài sản mà mình lấy được với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Số tiền trên T đã dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 18/6/2020, khi T đang thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy tại xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình thì bị Công an thành phố Hòa Bình bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 14 ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 01 (một) chiếc tivi nhãn hiệu SONY, số loại: MODEL.NO KDL. 32W600D, màu đen, kích thước màn hình 32 inch kèm 01 (một) chiếc điều khiển và 01 (một) bộ dây nguồn đi cùng tivi có giá trị thực tế còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.533.333đ (Hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra, làm rõ vụ án. Tại Cơ quan điều tra, Quách Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 13/08/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã quyết định truy tố bị cáo Quách Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thực hành quyền công tố tại phiên toà: đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 13/08/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Quách Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chiếc tivi nhãn hiệu SONY, số loại: MODEL.NO KDL. 32W600D, màu đen, kích thước màn hình 32 inch, cũ đã qua sử dụng kèm 01 (một) chiếc điều khiển và 01 (một) bộ dây nguồn đi cùng tivi. Xét thấy, không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 14 ngày 08/07/2020 trả lại cho người quản lý hợp pháp để quản lý, bảo quản nên đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại là ông Quách Thanh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên đề nghị không xem xét.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn P đã được gia đình Quách Văn T bồi thường số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và không có yêu cầu đề nghị gì thêm; Chị Quách Thị Ngọc A người đã bồi thường cho ông P 1.000.000đ cũng không đề nghị bị cáo phải hoàn lại cho mình số tiền trên nên đề nghị không xem xét. Vợ chồng anh N và chị K đã biết việc ông V nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo do bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Đối với ông Bùi Văn P là người đã mua chiếc tivi mà Quách Văn T trộm cắp được nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và khi Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu đã tự nguyện giao nộp tivi nên đề nghị không đề cập xử lý hành vi của ông P.

Đối với chiếc xe mô tô màu đen, không rõ biển kiểm soát mà Quách Văn T sử dụng để chở chiếc tivi trộm cắp được đi bán. Do T không nhớ biển kiểm soát, sau khi gây án T đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không quen biết, không rõ đặc điểm nhận dạng và địa chỉ ở Thành phố H. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý trong vụ án nên đề nghị không xem xét.

Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 18/6/2020 của Quách Văn T tại xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành khởi tố điều tra ở một vụ án khác nên đề nghị không đề cập xử lý.

Sau khi kiểm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa và xem xét toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn T thừa nhận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/4/2020, Quách Văn T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của người trông coi, quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 (một) chiếc tivi nhãn hiệu SONY, số loại: MODEL.NO KDL. 32W600D, màu đen, kích thước màn hình 32 inch kèm 01 (một) chiếc điều khiển và 01 (một) bộ dây nguồn trị giá 2.533.333đ (*Hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) của ông Quách Thanh V là người được giao trông coi, quản lý tài sản. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật của vụ án và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ.

[2] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, thấy trước được hậu quả có thể xảy ra nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên vẫn cố tình thực hiện- lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Quách Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Quách Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân nghiện ma túy từ năm 2013. Dù đã được áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy 02 lần nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ được ma túy. Do không có tiền để mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã có hành vi lấy cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình. Hiện bị cáo còn đang bị khởi tố, điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra tại thành phố H.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; Là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm b; i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần được xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tha miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chiếc ti vi nhãn hiệu SONY, số loại: MODEL.NO KDL. 32W600D, màu đen, kích thước màn hình 32 inch, cũ đã qua sử dụng kèm 01 (một) chiếc điều khiển và 01 (một) bộ dây nguồn đi cùng ti vi. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 14 ngày 08/07/2020 trả lại cho người quản lý hợp pháp để quản lý, bảo quản. Thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là phù hợp Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại là ông Quách Thanh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn P đã được gia đình Quách Văn T bồi thường số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và không có yêu cầu đề nghị gì thêm; Chị Quách Thị Ngọc A người đã bồi thường cho ông P 1.000.000đ thay cho bị cáo cũng không đề nghị bị cáo phải hoàn lại cho mình số tiền trên nên HĐXX không xem xét. Vợ chồng anh N và chị K đã biết việc ông V nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Đối với ông Bùi Văn P là người đã mua chiếc tivi mà Quách Văn T trộm cắp được nhưng không biết đó tài sản do phạm tội mà có và khi Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu đã tự nguyện giao nộp tivi trên nên HĐXX không đề cập xử lý hành vi của ông P.

[9] Đối với chiếc xe mô tô màu đen, không rõ biển kiểm soát mà Quách Văn T sử dụng để chở chiếc ti vi trộm cắp được đi bán. Do T không nhớ biển kiểm soát, sau khi gây án T đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không quen biết, không rõ đặc điểm nhận dạng và địa chỉ ở thành phố H. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý trong vụ án nên HĐXX không xem xét.

[10] Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 18/6/2020 của Quách Văn T tại xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành khởi tố điều tra ở một vụ án khác nên HĐXX không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự và các vấn đề khác.

[13] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên; người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về trách nhiệm hình sự:* Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Quách Văn T 08 (tám) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 06 năm 2020.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận việc bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

3. *Về án phí:* Miễn án phí cho bị cáo Quách Văn T.

4. *Về quyền kháng cáo:*

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Công an huyện Lạc Sơn;
- Công an thành phố Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Mỹ Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ+án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

Bùi Văn Tấn Bùi Văn Ôn

Lê Thị Hồng

Mẫu số 27-HS(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại
Nơi cư trú.....;nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án....., tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

.....
- Bị hại:⁽¹⁷⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

.....
- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

.....
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

.....
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

.....
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾

.....
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾

.....
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽²⁸⁾

[1].....
.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....
.....
(30)
.....
(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân

thăngghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như T nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TOÀ **HỘI THẨM NHÂN DÂN**

CHỦ TỌA PHIÊN

1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa

